

quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước, thì còn bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 16. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Điều 17. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 18. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

tích tự nhiên và dân số của xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn.

Thị trấn Hương Sơn có 978,49 ha diện tích tự nhiên và 7.910 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Hương Sơn: Đông giáp các xã Tân Hòa, Lương Phú; Tây giáp xã Xuân Phương; Nam giáp xã Kha Sơn; Bắc giáp xã Tân Kim.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 68/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 về việc thành lập thị trấn Hương Sơn thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên,

NGHỊ ĐỊNH:

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 69/2003/NĐ-CP ngày 13/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh số 01/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04/10/2002 sửa đổi Điều 22, Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Điều 1. Thành lập thị trấn Hương Sơn thuộc huyện Phú Bình trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện

Căn cứ Pháp lệnh ngày 29 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2002/PL-UBTVQH11 ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi Điều 22, Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Người có công giúp đỡ cách mạng, quy định tại Điều 1 của Pháp lệnh sửa đổi Điều 22, Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng, bao gồm:

1. Người đã có thành tích giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, nguy hiểm thời kỳ trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được Nhà nước tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc "Bằng có công với nước".

2. Người đã có thành tích giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, nguy hiểm thời kỳ kháng chiến giải phóng dân tộc, từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến.

3. Người đã có thành tích giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, nguy hiểm thời kỳ kháng chiến giải phóng dân tộc, từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 được Nhà nước tặng Huy chương Kháng chiến.

Điều 2.

1. Trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này được quy định như sau:

a) Trợ cấp hàng tháng mức 170.000 đồng/người;

b) Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 420.000 đồng/người nếu sống cô đơn không nơi nương tựa;

c) Được hưởng các chế độ ưu đãi về chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, giải quyết việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, phát triển kinh tế gia đình như đối với thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng.

2. Trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này được quy định như sau:

a) Trợ cấp hàng tháng mức 110.000 đồng/người;

b) Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng mức 320.000 đồng/người nếu sống cô đơn không nơi nương tựa.

3. Trợ cấp đối với người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này được quy định như sau:

Trợ cấp một lần mức 1.000.000 đồng/người.

4. Trợ cấp mai táng phí:

Người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm a và b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này, khi chết tổ chức hoặc cá nhân tổ chức mai táng được cấp tiền lễ tang, chôn cất mức 2.320.000 đồng.

5. Trợ cấp đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này đã chết mà chưa được hưởng trợ cấp:

a) Người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Nghị định này chết từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà

chưa được hưởng trợ cấp thì vợ hoặc chồng hoặc người thừa kế theo pháp luật của đối tượng được hưởng trợ cấp 1 lần mức 1.000.000 đồng;

b) Người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này chết mà chưa được hưởng trợ cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này thì vợ hoặc chồng hoặc người thừa kế theo pháp luật của đối tượng được hưởng trợ cấp 1 lần mức 1.000.000 đồng.

6. Các khoản trợ cấp ưu đãi đối với người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại Điều 2 Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 do ngân sách nhà nước trả.

Điều 3.

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục lập và quản lý hồ sơ xác nhận giải quyết quyền lợi đối với người có công giúp đỡ cách mạng và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính đảm bảo nguồn ngân sách và hướng dẫn sử dụng kinh phí chi trả đối với người có công giúp đỡ cách mạng được hưởng chế độ ưu đãi quy định tại Điều 2 Nghị định này.

3. Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các chế độ ưu đãi quy định tại Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các chế độ quy định tại Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan.

Điều 4.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các chế độ đối với người có công giúp đỡ

cách mạng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 2 Nghị định này sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước điều chỉnh chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

3. Bãi bỏ Điều 60, Điều 61 Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 70/2003/NĐ-CP ngày 17/6/2003 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,